TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 491/2020/LĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v tranh chấp về tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Viết Đức

2. Bà Diệp Võ Huyền Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 392/2020/TLST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2020/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 457/2020/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1.<u>Nguyên đơn</u>: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1974

Địa chỉ: 18/2B ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Giấy ủy quyền ngày 16/6/2020)

2.<u>Bị đơn</u>: Công ty N.

Trụ sở: 6/9C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông HUR UN K. Chức danh: Tổng giám đốc.

Chỗ ở hiện tại: 6/9C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Thị M vào làm việc tại Công ty N từ ngày 04/02/2007 có ký kết hợp đồng lao động với công ty, thời hạn hợp đồng là vô thời hạn. Công việc là: cắt chỉ, mức lương tháng là 5.000.000 đồng/tháng.

Đến ngày 17/3/2020 Công ty N ngừng hoạt động, không có thông báo trước. Công ty N vẫn chưa thanh toán tiền lương còn lại của tháng 02 năm 2020 và những ngày làm việc của tháng 3 năm 2020 cho bà Huỳnh Thị M với số tiền là 5.389.686 đồng.

Khi ký hợp đồng lao động, Công ty không giao hợp đồng lao động cho bà Huỳnh Thị M; hiện nay Công ty đóng cửa, ngừng hoạt động nên bà Huỳnh Thị M cũng không lấy được hợp đồng lao động.

Do vậy, bà Huỳnh Thị M và toàn bộ công nhân của Công ty đã nộp đơn yêu cầu Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Hóc Môn giải quyết. Tại buổi hòa giải phía Công ty vắng mặt nên việc hòa giải không thể tiến hành được.

Với tư cách là người được bà Huỳnh Thị M ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty N thanh toán tiền lương những ngày bà Huỳnh Thị M đã làm việc tại Công ty từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020 với số tiền yêu cầu là 5.389.686 đồng.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng đại diện hợp pháp của Công ty N vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện hóc Môn quyết định đưa vụán ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị M và Công ty N là tranh chấp lao động cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 200 Bộ luật lao động 2012 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có trụ sở tại xã T, huyện Hóc Môn nên Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp về tiền lương. Trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 15/6/2020 hòa giải viên lao

động tiến hành thủ tục hòa giải nhưng hòa giải không thành do một bên vắng mặt. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Lao động 2012 và khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu H (là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn có bà Nguyễn Thị Thu H đại diện yêu cầu Công ty N thanh toán cho bà Huỳnh Thị M tiền lương những ngày đã làm việc tại Công ty (từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020) với số tiền yêu cầu là 5.389.686 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy trên cơ sở lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ bảng lương do đại diện phòng nhân sự của Công ty là bà Võ Thị Hoài T (Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn của Công ty N) trích xuất từ máy tính của công ty thể hiện bà Huỳnh Thị M có trong danh sách những người lao động làm việc tại Công ty N. Theo quy định tại Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2012, hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản, đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng thì các bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói. Căn cứ vào tính chất công việc Huỳnh Thị M làm tại Công ty thì công việc mà Công ty yêu cầu là công việc nhất định. Do đó, mặc dù phía nguyên đơn không cung cấp được Hợp đồng lao động nhưng có cơ sở để khẳng định giữa Huỳnh Thị M và Công ty N có tồn tại quan hệ lao động.

Trong quá trình bà Huỳnh Thị M làm việc cho Công ty, tính đến thời điểm Công ty đóng cửa ngưng hoạt động vào ngày 17/3/2020, căn cứ tài liệu chứng cứ là bảng lương do đại diện phòng nhân sự của Công ty là bà Võ Thị Hoài T (Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn của Công ty N) trích xuất từ máy

tính của công ty thể hiện số tiền lương còn lại của tháng 02/2020 và những ngày làm việc trong tháng 3/2020 bà Huỳnh Thị M chưa được Công ty thanh toán là 5.389.686 đồng. Như vậy, số tiền lương 5.389.686 đồng Công ty còn nợ của bà Huỳnh Thị M là có thật. Do đó, việc bà Huỳnh Thị M yêu cầu Công ty N thanh toán tiền lương còn lại của tháng 02/2020 và những ngày làm việc trong tháng 3/2020 với số tiền là 5.389.686 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị M số tiền lương là 5.389.686 đồng.

Đối với phía bị đơn là Công ty N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy, Công ty N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận số tiền lương chưa thanh toán theo những chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương được Tòa án chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 238, Điều 273 và Điều 482 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 96, Điều 200 và Điều 201 Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M:

Buộc Công ty N thanh toán cho bà Huỳnh Thị M tiền lương (từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020) với số tiền là 5.389.686 (Năm triệu ba trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi sáu) đồng, thi hành 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Quyết định này được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M được miễn nộp toàn bộ tiền án phí lao động sơ thẩm.

- Bị đơn Công ty N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí lao động sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Phụng